

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**
Bản án số: 73/2020/DS-ST
Ngày: 15-12-2020
“ *V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quế Hương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Chí Trình**.

Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Kiều Minh Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2020/TLST - DS ngày 12 tháng 10
năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 227/2020/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh L.

- Bị đơn: Bà **Lý Thị Thanh T**, sinh năm: 1966 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:** Trước đây ông D có nhiều lần cho bà Lý Thị Thanh T vay tiền cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 18/10/2019 (âl) nhằm ngày 14/11/2019 cho bà T vay số tiền là 12.000.000đ.

- Lần thứ 2: Ngày 20/10/2019 (âl) nhằm ngày 16/11/2019 cho bà T vay số tiền là 30.000.000đ.

- Lần thứ 3: Ngày 27/02/2020 (âl) nhằm ngày 27/02/2019 cho bà T vay số tiền là 4.000.000đ.

Tổng cộng số tiền vốn vay là 46.000.000đ khi vay bà T không có làm biên nhận nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng. Ngày 04/8/2020 bà T có viết cho ông giấy mượn nợ số tiền nêu trên và hứa sẽ trả cho ông 20.000.000đ trong vòng một tuần kể từ ngày 04/8/2020 và số tiền còn lại sẽ trả dần nhưng đến nay bà T chưa trả lại vốn và lãi cho ông.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị Thanh T phải trả lại cho ông số tiền vốn vay là 46.000.000đ và ông yêu cầu tính lãi như sau:

- Đối với số tiền vay 12.000.000đ ngày 14/11/2019 ông yêu cầu tính lãi từ ngày 14/10/2020 là 11 tháng, với mức lãi suất là 3%/tháng thành tiền 3.960.000đ.

- Đối với số tiền vay 30.000.000đ vay ngày 16/11/2019 ông yêu cầu tính lãi từ ngày 16/10/2019 là 11 tháng, với mức lãi suất là 3%/tháng thành tiền là 9.900.000đ.

- Đối với số tiền 4.000.000đ vay ngày 27/02/2020 ông yêu cầu tính lãi từ ngày 27/10/2020 là 08 tháng, với mức lãi suất là 3%/tháng thành tiền là 960.000đ.

Tổng cộng vốn và lãi là 60.820.000đ

Tại đơn khởi kiện ông D chỉ khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền vốn và lãi là 60.400.000đ. Nay ông D vẫn giữ theo đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền vốn và lãi là 60.400.000đ và không yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi đối với các khoản vay trên.

Ngoài ra, tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2020 thì ông D có khởi kiện ông Võ Văn C là chồng của bà T phải cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng nay ông D xin rút lại yêu cầu đối với ông C, ông chỉ yêu cầu một mình bà T trả nợ cho ông.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lý Thị Thanh T trình bày:*

Từ trước đến nay bà không có vay tiền của ông Nguyễn Văn D, biên nhận ngày 04/8/2020 là do ông D kêu bà vào nhà trọ rồi buộc bà phải viết và ký tên vào biên nhận, tổng số tiền trên biên nhận là 46.000.000đ. Đến ngày 05/9/2020 thì ban hòa giải ấp Tân Huy, xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có mời bà lên làm việc, tại buổi làm việc thì ban hòa giải ấp T1 tự ghi biên bản rồi kêu bà ký tên. Thực chất bà không có vay tiền của ông D theo như ông D trình bày mà trước đây bà có mượn của ông D (không nhớ thời gian cụ thể) số tiền là 40.000.000đ. Sau đó, ông D nói sẽ lo cho bà và còn nhiều lần đưa tiền cho bà nữa bà không nhớ số tiền là bao nhiêu và vào thời gian nào.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông D thì bà T không đồng ý bởi vì ông D nói cho bà. Các lần bà nhận tiền của ông D cũng không có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến là: Thủ tục thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ pháp luật dân sự của vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tiến hành phiên tòa sơ thẩm của Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Ông D yêu cầu bà T trả lại số tiền vốn vay là 46.000.000đ và xin rút lại yêu cầu tính lãi số tiền là 14.400.000đ. Bà T thừa nhận trước đây có mượn tiền của ông D số tiền là 40.000.000đ nhưng sau khi mượn ông D nói cho bà luôn nên nay bà không đồng ý với yêu cầu của ông D. Khi mượn không làm biên nhận nhưng đến ngày 04/8/2020 bà T có làm biên nhận. Bà T cho rằng biên nhận là do ông D buộc bà viết và tại biên bản hòa giải ngày 05/9/2020 của ấp T1 bà T không có trình bày mượn ông D 46.000.000đ nhưng bà vẫn ký tên trên biên bản. Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, buộc bà T phải trả lại cho ông D số tiền vốn vay là 46.000.000đ và đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi số tiền là 14.400.000đ của ông D.

* Về án phí:

- Buộc bà Lý Thị Thanh T phải nộp 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông D không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lý Thị Thanh T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Vào năm 2019 ông D có cho bà T vay tiền 03 lần với số tiền là 46.000.000đ, khi vay không làm biên nhận đến ngày 04/8/2020 thì bà T có làm biên nhận cho ông D và hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng. Sau khi vay thì bà T không đóng lãi và cũng không trả vốn cho ông D.

Tại phiên tòa hôm nay ông D chỉ yêu cầu bà T trả lại cho ông tiền vốn là 46.000.000đ, không yêu cầu bà T phải trả số tiền lãi là 14.400.000đ. Do ông D rút lại yêu cầu tính lãi nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 06/11/2020 ông D xin rút lại yêu cầu đối với ông C, ông chỉ yêu cầu một mình bà T trả nợ nên Tòa án không đưa ông Võ Văn C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D vì bà cho rằng bà không có vay tiền của ông D. Nhưng trước đây vào năm 2019 bà và ông D có quan hệ tình cảm với nhau nên ông D có cho bà mượn số tiền là 40.000.000đ và ông D còn nhiều lần đưa tiền cho bà nữa bà không nhớ số tiền là bao nhiêu và vào thời gian nào. Đối với biên nhận ngày 04/8/2020 là do ông D kêu bà vào nhà trọ rồi buộc bà phải viết và ký tên vào biên nhận. Ông D cũng thừa nhận có kêu bà T vào nhà trọ để viết biên nhận. Nay bà T xác định ông D đã cho bà số tiền 40.000.000đ đã mượn nhưng ngoài lời trình bày thì bà T không có chứng cứ gì chứng minh ông D có hứa cho bà số tiền đã mượn và ông D không thừa nhận là có hứa cho bà T số tiền trên.

Đồng thời, tại buổi hòa giải ngày 05/9/2020 của ấp T1, xã H thì bà không có thừa nhận nợ ông D số tiền 46.000.000đ như biên bản đã ghi. Bà trình bày là trước đây ông D có đưa tiền để lo cho bà mà sao giờ đòi lại và bà có nói “Tôi không có tiền, chừng nào có tiền thì tôi trả” nhưng số tiền trả bao nhiêu thì bà không có nói vì không biết số tiền phải trả là bao nhiêu. Khi ban hòa giải thông qua lại biên bản thì bà có nghe đọc lại nội dung là bà nợ ông D số tiền là 46.000.000đ bà không đồng ý nhưng ban hòa giải kêu ký tên thì bà có ký tên.

Thành phần ban hòa giải ông Huỳnh Văn N, ông Nguyễn Tuấn D1, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Phạm Hồng T2 cùng xác định là tại buổi hòa giải ngày 05/9/2020 bà T thừa nhận có nhận của ông D số tiền là 46.000.000đ, bà T nói số tiền này là của ông D lo cho bà mà giờ sao đòi lại, bà không có tiền trả, chừng nào có tiền thì bà sẽ trả. Toàn bộ nội dung được ban hòa giải ghi nhận lại tại biên bản hòa giải là đúng sự thật. Thành phần Hòa giải không có ai có quan hệ bà con với ông D, bà T.

[3] Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để buộc bà Lý Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền vốn vay là 46.000.000đ. Đình chỉ đối với yêu cầu tiền lãi với số tiền là 14.400.000đ của ông Nguyễn Văn D.

[4] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Lý Thị Thanh T phải nộp 2.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự, Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Buộc bà Lý Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền là 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ đối với yêu cầu tiền lãi với số tiền là 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) của ông Nguyễn Văn D.

- Án phí sơ thẩm:

+ Buộc bà Lý Thị Thanh T phải nộp số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí 1.510.000 đ (một triệu năm trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008474 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương